

Bản án số: 39/2021/DS-ST  
Ngày: 06-10-2021  
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN-TỈNH VĨNH LONG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Dương  
**Các hội thẩm nhân dân:** Ông Trương Văn Ánh  
 Ông Lê Minh Thư  
**-Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Hưng là thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long  
**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân không tham gia phiên tòa**

Ngày 06 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2021/TLST- DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXX-ST ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1977 (vắng mặt)  
Địa chỉ: Tổ 7, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long  
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Đào Thanh N, sinh năm 1998, địa chỉ ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 (vắng mặt)  
Địa chỉ: Tổ 4, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long
3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:  
Chị Nguyễn Thị Trọng T, sinh năm 1993 (vắng mặt)  
Địa chỉ: Tổ 2, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/01/2021, đơn kiện bổ sung ngày 14/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị S, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Đào Thanh N trình bày:

Bà Sương và vợ chồng anh Nguyễn Văn H có mua bán hàng hóa vật liệu xây dựng, với hình thức là giao kết bằng miệng, mặt hàng chủ yếu là vật tư xây dựng như cát, đá, xi măng, dây buộc... Tuy không ký kết hợp đồng mua bán bằng văn bản, nhưng bà có lập hóa đơn bán lẻ và mỗi lần giao hàng sẽ có người ký nhận.

Phương thức thanh toán khi xây hoàn tất căn nhà là phải thanh toán toàn bộ, nhưng nếu bên mua muốn thanh toán trước một phần thì bên bà vẫn nhận. Cụ thể hóa đơn như sau:

Hóa đơn ngày 23/9/2019 cát xây (số lượng: 3m<sup>3</sup>; đơn giá: 220.000 đồng, thành tiền 660.000 đồng); Xi măng (số lượng: 10 bao; đơn giá: 80.000 đồng; thành tiền: 800.000 đồng); Gạch xém (số lượng: 2000 viên; đơn giá: 1.100 đồng; thành tiền: 2.200.000 đồng). Tổng cộng: 3.600.000 đồng.

Hóa đơn ngày 27/09/2019, Gạch xém (số lượng: 1000 viên; đơn giá: 1.100 đồng, thành tiền: 1.100.000 đồng); Sắt Phi 10 nhỏ (số lượng: 03 cây, đơn giá: 80.000 đồng; thành tiền: 240.000 đồng); Xi măng (số lượng: 10 bao; đơn giá: 80.000 đồng; thành tiền: 800.000 đồng); Tay dê (số lượng: 5,5; đơn giá: 17.000 đồng; thành tiền: 93.000 đồng); Dây (số lượng: 0,5kg; đơn giá: 20.000 đồng; thành tiền: 10.000 đồng); Đá ½ (số lượng: 1,5m<sup>3</sup>; đơn giá: 420.000 đồng; thành tiền: 630.000 đồng); Xí xỏm (số lượng: 01 cái; đơn giá: 180.000 đồng; thành tiền: 180.000 đồng); Ống 90BM (số lượng: 01 ống; đơn giá: 180.000 đồng); Co 90 BM (số lượng: 01 cái; đơn giá: 20.000 đồng; thành tiền: 20.000 đồng). Tổng cộng: 3.253.000 đồng. cộng dồn toa 1 ngày 23/9/2019, tổng cộng: 6.913.000 đồng.

Hóa đơn ngày 05/10/2019 cát lấp (số lượng: 30m<sup>3</sup>; đơn giá: 150.000 đồng, thành tiền 4.500.000 đồng); Gạch xém (số lượng: 2000 viên; đơn giá: 1.100 đồng; thành tiền: 2.200.000 đồng); Xi măng (số lượng: 05 bao; đơn giá: 80.000 đồng; thành tiền: 800.000 đồng); Sắt Phi 10 nhỏ (số lượng: 02 cây, đơn giá: 78.000 đồng; thành tiền: 156.000 đồng). Tổng cộng: 7.256.000 đồng. cộng dồn toa số 2 ngày 27/9/2019, tổng cộng: 14.169.000 đồng.

Hóa đơn ngày 08/10/2019, Đá 4,6 (số lượng: 2m<sup>2</sup>; đơn giá: 380.000 đồng, thành tiền: 760.000 đồng); Xi măng (số lượng: 15 bao; đơn giá: 80.000 đồng; thành tiền: 1.200.000 đồng); Cửa mũ (số lượng: 01 cái; đơn giá: 360.000 đồng; thành tiền: 360.000 đồng). Tổng cộng: 2.320.000 đồng, cộng dồn toa số 3 ngày 05/10/2019, tổng cộng 16.489.000 đồng.

Hóa đơn ngày 09/10/2019, gạch xém (số lượng: 1000 viên, đơn giá: 1.100 đồng; thành tiền: 1.100.000 đồng); sắt phi 10 (số lượng: 02 cây; đơn giá: 93.000 đồng; thành tiền: 186.000 đồng). Tổng cộng 1.286.000 đồng, cộng dồn Toa số 4 ngày 08/10/2019 tổng cộng 17.775.000 đồng.

Hóa đơn ngày 12/10/2019 gạch 332 (số lượng: 17 viên; đơn giá: 110.000 đồng; thành tiền: 1.870.000 đồng); gạch TCR (số lượng: 10 viên, đơn giá: 90.000 đồng, thành tiền: 900.000 đồng); Gạch xém (số lượng: 500 viên, đơn giá: 1.100 đồng, thành tiền: 550.000 đồng). Tổng cộng 3.320.000 đồng, cộng dồn Toa số 5 ngày 09/10/2019, tổng cộng: 21.095.000 đồng.

Hóa đơn ngày 14/10/2019, Gạch 42068 (số lượng: 25 viên, đơn giá: 80.000 đồng, thành tiền: 2.000.000 đồng); Ống 60 QT (số lượng: 01 ống; đơn giá: 55.000 đồng, thành tiền: 55.000 đồng); Ống 21BM (số lượng: 05 ống, đơn giá: 24.000 đồng, thành tiền: 15.000 đồng); Co 21BM (số lượng: 05 cái, đơn giá: 3.000 đồng, thành tiền: 15.000 đồng); T21 (số lượng: 03 cái, đơn giá: 4.000 đồng; thành tiền: 12.000 đồng); Vòi sen (số lượng: 01 cái, đơn giá: 90.000 đồng, thành tiền: 90.000 đồng); củ sen (số lượng: 1 cái, đơn giá 150.000 đồng, thành tiền: 150.000 đồng),

Lưới B40 (số lượng: 44m, đơn giá: 18.500 đồng, thành tiền: 814.000 đồng); Chậu sứ (số lượng: 01 cái, đơn giá: 250.000 đồng, thành tiền: 250.000 đồng); Vòi Lapo (số lượng: 01 cái, đơn giá: 130.000 đồng, thành tiền: 130.000 đồng); Xả Lapo (số lượng: 01 cái, đơn giá: 40.000 đồng, thành tiền: 40.000 đồng); Dây cáp nước (số lượng: 01 cuộn, đơn giá: 20.000 đồng, thành tiền: 20.000 đồng); Xi măng (số lượng: 15 bao, đơn giá: 80.000 đồng, thành tiền: 1.200.000 đồng); Van 21 (số lượng: 03 cái, đơn giá: 18.000 đồng, thành tiền: 54.000 đồng); Gạch 4801 (số lượng: 17 viên, đơn giá: 92.000 đồng, thành tiền: 1.564.000 đồng); Gạch TCR (số lượng: 18 viên, đơn giá: 90.000 đồng, thành tiền: 1.620.000 đồng). Tổng cộng 8.134.000 đồng, cộng dồn Toa số 6 ngày 12/10/2019, tổng cộng 29.229.000 đồng.

Hóa đơn ngày 19/10/2019, xi măng (số lượng: 15 bao, đơn giá: 80.000 đồng, thành tiền: 1.200.000 đồng). Tổng cộng 1.200.000 đồng, cộng dồn Toa số 7 ngày 14/10/2019, tổng cộng 30.429.000 đồng.

Hóa đơn ngày 22/10/2019 Cát xây (số lượng: 1m<sup>3</sup>, đơn giá: 220.000 đồng, thành tiền: 220.000 đồng); Xi măng (số lượng: 02 bao, đơn giá: 80.000 đồng, thành tiền: 160.000 đồng). Tổng cộng: 380.000 đồng, cộng dồn Toa số 8 ngày 19/10/2019, tổng cộng: 30.809.000 đồng.

Tổng giá trị hàng đã bán là 30.809.000 đồng, tuy nhiên, mới thanh toán cho bên bà Sương số tiền là 5.090.000 đồng được thể hiện qua hóa đơn ngày 22/10/2019 gửi 3.000.000 đồng; ngày 24/01/2020 trả 2.090.000 đồng. Không lập biên nhận nhưng bà Sương trừ trực tiếp vào hóa đơn bán hàng.

Tổng cộng: 30.809.000 đồng – 5.090.000 đồng = 25.719.000 đồng.

Căn cứ vào thỏa thuận các bên thì bà S và ông H đã thống nhất làm tròn khoản nợ là 25.000.000 đồng, ông H có ký nhận và đồng ý.

Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn H và vợ Nguyễn Thị Trọng T trả cho bà S số tiền còn nợ là 25.000.000đ và tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật, tính từ ngày trả cuối cùng 24/01/2020 đến ngày khởi kiện là 4.150.000đ và từ ngày khởi kiện đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: sau khi tòa án mời hòa giải ngày 14/6/2021 thì phía bị đơn có đem 2.000.000đ đến trả cho bà S, nên tại phiên tòa hôm nay bà S yêu cầu anh H và chị T trả 23.000.000đ và tiền lãi chậm trả từ ngày 24/01/2020 đến ngày khởi kiện là 10 tháng, mức lãi suất là 0,83%/tháng với số tiền là 2.075.000đ. Ngoài ra bà S không có yêu cầu nào khác.

Tại biên bản hòa giải ngày 14/6/2021 bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh H thừa nhận còn nợ bà S số tiền mua vật tư xây dựng nhà là 25.000.000đ, anh H thống nhất trả, anh H có đem trả dần cho bà S, nhưng bên bà S không chịu, do anh không vi phạm nghĩa vụ, nên anh không đồng ý trả lãi suất cho bà S.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: chị Nguyễn Thị Trọng T trình bày chị cũng thống nhất theo ý kiến của chồng chị là anh Nguyễn Văn H

Tại phiên tòa vắng mặt anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Trọng T

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa vắng mặt anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Trọng T không vì sự kiện bất khả kháng dù đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Trọng T trả số tiền mua vật liệu xây dựng với tổng số tiền 23.000.000đ, tiền lãi chậm trả từ ngày 24/01/2020 đến ngày khởi kiện là 2.075.000 đồng (25.000.000 đồng x 10 x 0,83%).

Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Trọng T thống nhất còn nợ tiền mua vật liệu xây dựng của bà Nguyễn Thị S số tiền như bà Nguyễn Thị S khởi kiện là 25.000.000đ, anh H, chị T đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền này. Anh H, chị T không đồng ý trả lãi suất theo yêu cầu của bà S, với lý do là anh chị không vi phạm nghĩa vụ trả nợ, anh chị có đem tiền trả cho bà S với hình thức trả dần, nhưng do bà S không đồng ý nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở. Bởi lẽ, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Trọng T cũng thừa nhận có nợ và cũng đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ là 25.000.000đ, anh chị đã trả được 2.000.000đ theo lời trình bày của nguyên đơn. Do đó anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Trọng T còn phải trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền là 23.000.000đ.

[2.2] Đối với yêu cầu lãi suất của bà Nguyễn Thị S về việc anh H, chị Thảo chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

Do đó, cần buộc anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Trọng T trả số tiền mua vật liệu xây dựng là 23.000.000đ và tiền lãi suất là 2.075.000đ là hoàn tất.

[2]Án phí: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Trọng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.254.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Buộc anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Trọng T trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền mua vật liệu xây dựng là 23.000.000đ (*hai mươi ba triệu đồng*) và tiền lãi là 2.075.000đ (*Hai triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí: Buộc anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Trọng T phải chịu 1.254.000đ (*một triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận :**

- TAND tỉnh VL;
- VKSND huyện Bình Tân;
- THADS huyện Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Ánh Dương**